

TẠP CHÍ
**KHOA HỌC NGOẠI NGỮ
QUÂN SỰ**

JOURNAL OF MILITARY FOREIGN LANGUAGE STUDIES

Số 24 (3/2020)

ISSN 2525 - 2232

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch
Thiếu tướng, GS.TS. **ĐẶNG TRÍ DŨNG**
Phó chủ tịch
Đại tá, PGS.TS. **NGUYỄN TRỌNG HẢI**
Ủy viên
Đại tá, TS. **TRẦN NGỌC TRUNG**
Đại tá, ThS. **PHẠM QUANG HẢI**
Đại tá, PGS.TS. **MA ĐỨC KHẢI**
Đại tá, TS. **TRINH THỊ THÚY**

TỔNG BIÊN TẬP

Đại tá, PGS.TS. **NGUYỄN TRỌNG HẢI**

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tá, TS. **NGUYỄN THU HẠNH**

BAN BIÊN TẬP

Thượng tá, TS. **NGUYỄN THU HẠNH**
Thượng tá, ThS. **LÊ CÔNG PHÁT**
Trung tá, TS. **TRẦN THỊ MINH THỰC**
Trung tá, TS. **ĐOÀN THỰC ANH**
Trung tá, TS. **ĐỖ TIẾN QUÂN**

BAN THƯ KÝ - TRỊ SỰ

Trưởng ban
Thiếu tá, ThS. **NGÔ NGỌC HẢI**
Ủy viên
Thiếu tá, ThS. **HOÀNG THỊ BẮC**
Đại úy, ThS. **NGUYỄN THỊ THỤ**

TRỤ SỞ

322E Lê Trọng Tấn, Định Công,
Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại: 0966.29.78.78
Email: tapchikhnnqs@gmail.com
Website: hvkhqs.edu.vn

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN

Số 200/GP-BTTTT ngày 19/4/2016
của Bộ Thông tin và Truyền thông

LÝ LUẬN CHUYÊN NGÀNH

- ĐOÀN THỰC ANH** - Đặc điểm của thuật ngữ quân sự tiếng Nga 3
- PHẠM HỮU KHƯƠNG, PHẠM THỊ THANH VÂN** - Giá trị nghệ thuật của tên nhân vật trong tiểu thuyết của Lỗ Tấn 12
- NGUYỄN THỊ THU TRANG** - Câu vô nhân xưng miêu tả hiện tượng tự nhiên trong tiếng Pháp và cách dịch sang tiếng Việt 18

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- TRẦN NGỌC TRUNG** - Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học ngoại ngữ tại các học viện, nhà trường quân đội thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 24
- PHẠM THỊ HOÀI PHƯỢNG, HOÀNG THỊ THU LAN** - Giải pháp khắc phục một số lỗi phát âm tiếng Anh thường gặp của học viên, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Học viện Khoa học Quân sự 33
- TỔNG VĂN TRƯỜNG** - Nâng cao chất lượng dạy môn dịch viết theo phương pháp dạy dịch "coi trọng quá trình" cho học viên năm thứ ba chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại Học viện Khoa học Quân sự 44
- NGÔ THỊ THU HÀ, NGUYỄN THỊ LÝ** - Giảng dạy từ viết tắt tiếng Nga chuyên ngành tàu ngầm cho các kíp tàu ngầm Hải quân 53
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO** - Vận dụng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở 60
- NGUYỄN THỊ MINH HỒNG** - Phát huy tính tích cực, tự giác trong tự học kỹ năng nghe-nói của học viên đào tạo văn bằng 2 tiếng Anh ở Học viện Khoa học Quân sự 68

QUAN HỆ QUỐC TẾ

- HOÀNG VĂN TIẾN** - Đối sách của Indonesia trước chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ và bài học rút ra đối với Việt Nam 74
- NGUYỄN MINH HOÀNG** - Chính sách ngoại giao "bã y nợ" và sức mạnh mềm của Trung Quốc 85

TRAO ĐỔI

- ĐỖ TIẾN QUÂN** - Nghĩa của từ 死 chết trong tiếng Hán và tiếng Việt từ góc nhìn tri nhận 92
- TRÀ THỊ THOẠI** - Xây dựng mô hình học tập kết hợp (Blended learning) trong dạy và học tiếng Anh tại các học viện, nhà trường quân đội 101
- LÊ KIM CƯƠNG** - Công tác kiểm tra-đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học trong hệ thống nhà trường quân đội trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 109
- HOÀNG THANH HƯƠNG, NGUYỄN THU THỦY** - Nghiên cứu thực tế tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên trường Đại học Ngoại thương 116

CÂU VÔ NHÂN XUNG MIÊU TẢ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN TRONG TIẾNG PHÁP VÀ CÁCH DỊCH SANG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ THU TRANG*

*Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng, ✉ ntthtrang@ufl.udn.vn

Ngày nhận bài: 20/01/2020; ngày sửa chữa: 25/2/2020; ngày duyệt đăng: 28/02/2020

**Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng
trong đề tài có mã số B2018-ĐN05-19**

TÓM TẮT

Câu vô nhân xung được sử dụng rộng rãi trong tiếng Pháp, nhưng dạng câu này lại không tồn tại trong tiếng Việt. Chính vì vậy, hiểu biết chính xác về việc câu vô nhân xung được diễn đạt như thế nào trong tiếng Việt sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Pháp đối với người Việt Nam. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi sẽ trình bày những cách chuyển dịch câu vô nhân xung miêu tả các hiện tượng tự nhiên từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, cũng như những nét tương đồng và dị biệt trong hai ngôn ngữ Pháp-Việt khi cùng nói về một hiện tượng tự nhiên.

Từ khóa: *câu vô nhân xung, phương tiện biểu đạt, tương đồng và dị biệt, tiếng Pháp, tiếng Việt*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiếng Pháp, câu vô nhân xung được chia làm hai loại, đó là câu vô nhân xung chứa các động từ vô nhân xung thuần túy (verbe impersonnel par essence) và câu vô nhân xung chứa các động từ vô nhân xung lâm thời (verbes occasionnellement impersonnels), là động từ dùng được trong câu nhân xưng và câu vô nhân xưng.

Khi miêu tả một hiện tượng tự nhiên như thời tiết và thời gian, tiếng Pháp sẽ sử dụng các câu vô nhân xưng chứa động từ vô nhân xưng thuần túy hoặc lâm thời, trong đó chủ ngữ “il” trống nghĩa, không chỉ một tác nhân nào gây nên các hiện tượng tự nhiên này. Trong khi đó, tiếng Việt lại không tồn tại dạng câu vô nhân xưng, tức là không có các loại câu chứa chủ ngữ hình thức như trong tiếng Pháp.

Chính sự khác biệt này đã thúc đẩy chúng tôi tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề sau:

- Đây là sự tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ Pháp-Việt khi cùng miêu tả về các hiện tượng tự nhiên?

- Cách thức dịch câu vô nhân xưng miêu tả hiện tượng tự nhiên trong tiếng Pháp sang tiếng Việt như thế nào?

Chúng tôi hy vọng rằng, nghiên cứu này có thể góp phần thiết thực vào việc giảng dạy và dịch thuật Pháp-Việt cho người Việt học tiếng Pháp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để lấy dữ liệu nghiên cứu, chúng tôi chọn hai cuốn tiểu thuyết tiếng Pháp đã được dịch sang

tiếng Việt và được nhiều thế hệ độc giả Việt Nam biết đến và yêu mến. Đó là cuốn "Le mystère Frontenac" của tác giả François Mauriac (giải Nobel văn học 1952) do nhà xuất bản Bernard Grasset ấn hành lần đầu tiên vào năm 1933. Tiểu thuyết này được dịch sang tiếng Việt năm 1999 với tiêu đề "Bí ẩn nhà Frontenac" (dịch giả Dương Linh). Và cuốn "Je l'aimais" của Anna Gavalda, do nhà xuất bản "J'ai lu" xuất bản năm 2002, được chuyển thể thành phim năm 2009 và kịch năm 2010. Năm 2008, tiểu thuyết này được nhà xuất bản Nhã Nam chọn dịch sang tiếng Việt với tên gọi "Bố đã từng yêu" (Ánh Hồng dịch) và được xếp hạng là một trong những tiểu thuyết được yêu thích nhất trong năm.

Sau khi đọc bản gốc, chúng tôi tiến hành trích lọc tất cả những câu vô nhân xưng miêu tả các hiện tượng tự nhiên trong tiếng Pháp và so sánh với bản dịch trong tiếng Việt, từ đó phân tích và thống kê được cách diễn đạt tương đương loại câu này sang tiếng Việt của các dịch giả Việt Nam.

Để có thể xác định rõ cách dịch câu vô nhân xưng tiếng Pháp miêu tả các hiện tượng tự nhiên sang tiếng Việt, chúng tôi đã dựa trên các thủ pháp dịch thuật của J. P. Vinay et J. Darbelnet với mục đích có thể làm rõ những khác biệt trong hai ngôn ngữ khi nói về cùng một nội dung thông tin. Đó là các thủ pháp vay mượn, sao phỏng, dịch nguyên văn, dịch chuyển đổi, dịch chuyển điệu, tương đương và thích ứng. Các thủ pháp dịch này được phân biệt bởi các quy trình trực tiếp (vay mượn, sao phỏng, dịch nguyên văn) và các quy trình gián tiếp (chuyển đổi, chuyển điệu, tương đương và thích ứng) không nhằm mục đích xử lý toàn bộ văn bản mà hướng đến dịch các phân đoạn cụ thể.

Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi sẽ không đi sâu giới thiệu về đặc điểm của từng thủ pháp mà chỉ giới thiệu về hai thủ pháp dịch tương đương và dịch chuyển đổi được các dịch giả sử dụng khi diễn đạt loại câu vô nhân xưng này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, lồng ghép trong phần phân tích dưới đây.

3. CÂU VÔ NHÂN XUNG MIÊU TẢ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN TRONG TIẾNG PHÁP

Theo Maingueneau (1999) và Tomassone (2002), tiếng Pháp sử dụng các loại câu vô nhân xưng để miêu tả các hiện tượng tự nhiên với các đặc điểm như sau:

Nhóm câu thứ nhất bao gồm các động từ vô nhân xưng thuần túy nói về thời tiết, luôn đi cùng với đại từ vô nhân xưng "il" và không bao giờ có bổ ngữ, ngoại trừ các bổ ngữ chỉ hoàn cảnh. Chẳng hạn như: *il pleut* (trời mưa), *il tonne* (trời có sấm), *il neige* (tuyết rơi), hoặc có bổ ngữ hoàn cảnh như: *il avait plu très fort toute la nuit* (trời đã mưa lớn suốt cả đêm) (Tomassone, 2002, tr. 157). Lưu ý rằng trong ngôn ngữ nói, đại từ "il" có thể thay thế bằng đại từ "ça" như "ça gèle", "ça pleut". Trong một số trường hợp tu từ, các động từ chỉ thời tiết này cũng có thể có bổ ngữ và bổ ngữ đó chính là chủ ngữ thực của động từ, chẳng hạn như "*Il pleuvait des compliments*" (Con mưa những lời khen) hay "*il pleuvait des coups*" (Những cú đấm trút xuống như mưa) (id.)

Nhóm câu thứ hai bao gồm các quán ngữ động từ (locution verbale) được xem như giống với các động từ chỉ hiện tượng tự nhiên. Ví dụ như các câu: *Il fait beau, il fait jour, il fait nuit, il y a du soleil, il y a du vent, il est temps (de)...*

Nhóm cuối cùng bao gồm câu chứa các động từ có bổ ngữ bắt buộc, các động từ này có thể dùng được trong câu nhân xưng và câu vô nhân xưng chẳng hạn như "*il tombe une pluie tiède*" (Trời trút xuống một cơn mưa ấm áp). Đối với câu nói này, người phát ngôn cũng có thể lựa chọn diễn đạt thành "*une pluie tiède tombe*" (một cơn mưa ấm áp trút xuống) (Tomassone, 2002, tr. 158).

4. CÁCH DỊCH CÂU VÔ NHÂN XUNG MIÊU TẢ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN TỪ TIẾNG PHÁP SANG TIẾNG VIỆT

Sau khi thống kê từ hai tác phẩm văn học nêu trên, chúng tôi tìm thấy 12 phát ngôn có chứa câu vô nhân xưng miêu tả các hiện tượng tự nhiên, trong đó có 2 phát ngôn chứa cùng lúc 2 câu vô nhân xưng miêu tả hiện tượng này. Sau đó, chúng

tôi tiến hành so sánh đối chiếu các phát ngôn với bản dịch trong tiếng Việt, và thấy rằng trong hầu hết các trường hợp, các dịch giả đều chọn phương pháp dịch tương đương (11 trường hợp), chỉ có một trường hợp sử dụng cách dịch chuyển đổi. Trong phần dưới đây chúng tôi sẽ phân tích cụ thể về cách dịch các phát ngôn này.

4.1. Dịch tương đương

Chúng ta đều biết rằng dịch tương đương là cách dịch hướng trực tiếp đến ý nghĩa của thông điệp. Nó được áp dụng khi ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích sử dụng văn phong và cấu trúc hoàn toàn khác biệt để diễn đạt cùng một tình huống thực tế. Thủ pháp này rất phù hợp cho việc dịch các thành ngữ, sáo ngữ, tục ngữ và cụm từ cố định. Để dịch các câu vô nhân xưng miêu tả một hiện tượng tự nhiên là khí hậu hoặc thời gian từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, các dịch giả thường áp dụng cách dịch này bằng cách thay thế đại từ nhân xưng “il” trống nghĩa trong tiếng Pháp bằng danh từ chung “trời” trong tiếng Việt. Việc sử dụng từ thay thế tương đương trong trường hợp này nhằm làm cho bản dịch phù hợp với thần thái của ngôn ngữ tiếng Việt.

Hãy xem xét các ví dụ sau:

- Khi nói về các hiện tượng thời tiết:

(1) **Il faisait froid, il faisait beau.** (Gavalda, tr. 28).
=> **Trời lạnh, trời đẹp.** (Ánh Hồng, tr. 30).

(2) **Il faisait froid.** La lumière de quatre heures, un bref instant, caressait les troncs... (Mauriac, tr. 52).
=> **Trời lạnh.** Ánh sáng mặt trời quãng bốn giờ chiều thoáng chốc mon man các thân cây... (Dương Linh, tr. 53).

(3) **Il m'a dit qu'il avait visité trois fois la Suisse et qu'il y avait vu de tout sauf des montagnes parce que les nuages les cachent et qu'il pleut tout le temps.** (Mauriac, tr. 88).

=> Ông ấy bảo đã ba lần thăm Thụy Sĩ và đã được xem tất cả, chỉ trừ núi non vì mây che phủ và **trời mưa liên tục.** (Ánh Hồng, tr. 90).

(4) **Le lendemain matin, le cœur n'y était plus. Il faisait trop froid** (Gavalda, tr. 58).

=> Sáng ngày hôm sau, chẳng được nữa. **Trời lạnh quá.** (Ánh Hồng, tr. 62).

(5) **C'était une soirée magnifique. Il faisait chaud.** La lumière était douce. (Gavalda, tr. 151).

=> Đó là một buổi tối tuyệt đẹp. **Trời nóng.** Ánh sáng rất dịu. (Ánh Hồng, tr. 156).

(6) **Le brouillard des prairies envahissait peu à peu les bois et ce brouillard ressemblait à l'haleine d'une bouche vivante lorsqu'il fait froid.** (Gavalda, tr. 144).

=> Sương bốc lên từ đồng cỏ dần lan cả khu rừng, nó giống hơi thở phả ra từ miệng người **khi trời lạnh.** (Ánh Hồng, tr. 149).

- Khi nói về thời gian:

(7) **Comme elle rentrait deux heures plus tôt que d'habitude, il faisait jour encore.** (Mauriac, tr. 40).

=> Vì chị trở về sớm hơn thường lệ hai tiếng, **nên trời hãy còn sáng.** (Dương Linh, tr. 41).

(8) **Je parle aujourd'hui parce que c'est toi, parce que c'est ici, dans cette pièce, dans cette maison, parce qu'il fait nuit et parce que Adrien te fait souffrir.** (Gavalda, tr. 172).

=> Hôm nay bố nói chuyện là bởi vì đó là con, vì là ở đây trong căn phòng này, trong ngôi nhà này, bởi vì **trời tối** và bởi vì Adrien làm con đau khổ. (Ánh Hồng, tr. 178).

Theo Rey-Debove & Rey (1996), trong tiếng Pháp, từ “trời” chỉ một không gian mà ta có thể nhìn thấy phía trên cao và bị giới hạn bởi đường chân trời. Trong khi đó theo từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê, 2014) “trời” có thể đại diện cho một không gian không xác định phía trên trái đất, một trạng thái của bầu khí quyển hoặc một thế lực siêu nhiên được coi là người tạo ra và quyết định số phận của muôn loài trên trái đất.

Như vậy, có một sự khác biệt về nhận thức giữa người Pháp và người Việt Nam trong việc sử dụng khái niệm “trời”. Đối với người Việt Nam, “trời”

không chỉ là không gian vô định xung quanh chúng ta, mà còn đại diện cho một thế lực siêu nhiên chi phối gần như tất cả các lĩnh vực trong đời sống con người. Điều này đã được Nguyễn Huy Lai khẳng định trong cuốn sách: *“Truyền thống tôn giáo, tâm linh và xã hội ở Việt Nam: cuộc đối đầu với Kitô giáo”* (La tradition religieuse, spirituelle et sociale au Vietnam: sa confrontation avec le christianisme):

Tạm dịch: *“Đối với các thần linh, người Việt Nam cũng như người Trung Quốc luôn tôn kính Chúa tể bầu trời, mà họ gọi là “Ông Trời” và đặt ông Trời cao hơn tất cả các Thần, Thánh. Chắc chắn, có một số người phủ nhận điều đó, nhưng phần lớn người dân Việt Nam tin vào “Ông Trời” mà họ tôn sùng như vị Chúa siêu việt, Người tạo ra Vũ trụ, Nguồn sống và là Đấng công lý tối cao sẽ ban thưởng cho những điều tốt và trừng phạt cái ác”.*

(Nguyễn Huy Lai, 1981, tr. 53, 54)

Quan niệm này ăn sâu trong tâm thức mỗi người Việt Nam, được thể hiện qua ngôn ngữ và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Điều này lý giải tại sao người Việt luôn có xu hướng sử dụng danh từ *“trời”* làm chủ ngữ của câu miêu tả các hiện tượng tự nhiên. Xét trên góc độ ngữ pháp, *“trời”* chính là chủ thể gây ra các hiện tượng thời tiết, bởi vì theo quan sát của họ, các hiện tượng này luôn xuất phát từ trên cao, có nghĩa là từ bầu trời. Ngược lại, khi miêu tả về thời tiết, người Pháp thường sử dụng các cấu trúc vô nhân xưng, bởi vì theo họ, tác nhân thật sự gây ra các hiện tượng thời tiết này vẫn chưa thật sự được xác định. Vì vậy, chủ ngữ hình thức *“il”* trống nghĩa sẽ đại diện cho một *“chủ thể hành động không xác định”* (Maingueneau, 1999, tr. 108). Lưu ý rằng *“trời”* có thể đóng vai trò chủ thể trong một câu mô tả về tình huống khí hậu trong tiếng Pháp như *“bầu trời bị mây che phủ”* (le ciel est couvert de nuages). Tuy nhiên, trong bối cảnh này, bầu trời không thực hiện hành động như *“trời”* trong tiếng Việt, mà phải chịu tác động của hành động.

Trong các trường hợp khác, người dịch cũng có thể sử dụng cách dịch tương đương mà không cần dùng đến từ *“trời”* như trong các phát ngôn sau:

- Khi nói về thời tiết

(9) Au pays des forêts, on ne voit pas monter des orages. Ils demeurent longtemps dissimulés par les pins ; leur souffle seul les trahit et ils surgissent comme des voleurs. Parfois, le front cuivré de l'un d'eux apparaissait au Sud, sans que sa fureur éclatât. Le vent plus frais faisait dire aux enfants **qu'il avait dû pleuvoir** ailleurs. (Mauriac, tr. 108).

=> Ở xứ sở của rừng, ta không nhìn thấy những cơn giông chạy tới. Chúng bị lấp sau những rừng thông, chỉ hơi thở của chúng là dấu hiệu báo trước, chúng ập đến như những tên trộm. Đôi khi rặng vàng của một cơn xuất hiện ở phía nam, nhưng giông không tới. Gió hiu hiu mát và bọn trẻ cho rằng **có mưa ở nơi khác**. (Dương Linh, tr. 109).

Trong trường hợp này, động từ *“devoir”* (chắc là) trong mệnh đề *“qu'il avait dû pleuvoir ailleurs”* (chắc là có mưa ở nơi khác) diễn tả một giả thuyết hầu như có thể xảy ra, không được dịch sang tiếng Việt trong mệnh đề tương đương *“có mưa ở nơi khác”*. Tuy nhiên, dịch giả đã chọn cách thay thế động từ này bằng cách thêm vào động từ *“croire”* (cho rằng) trong mệnh đề chính của câu *“bọn trẻ cho rằng”*. Đối với chủ ngữ hình thức *“il”*, dịch giả không dùng từ thay thế *“trời”* như trong các ví dụ trên mà thay thế cả mệnh đề có *“il”* bằng câu không đề (1) *“có mưa ở nơi khác”* trong tiếng Việt. Đây là kiểu câu mà theo Cao Xuân Hạo (2004) không có phần đề trên cấu trúc bề mặt và phần thuyết thường là một vị từ tính chỉ trạng thái hoặc tính chất, hay cũng có thể là một danh ngữ. Loại câu này thường đề cập đến các trạng thái thời tiết, thời gian, khung cảnh, hay sự tồn tại, xuất hiện của một sự vật hoặc một hiện tượng nào đó. Đáng lưu ý là, ở vị trí trống của phần đề có thể thêm vào các từ như *“trời”* khi nói về thời tiết, *“bây giờ”* khi nói về thời gian hoặc *“ở đây”* khi nói về khung cảnh. Việc lựa chọn câu có phần đề hay không khi đề cập các đề tài nói trên tùy thuộc vào thói quen giao tiếp hay sở thích của người phát ngôn.

- Khi nói về thời gian

Câu không đề trong tiếng Việt cũng dùng để diễn đạt tương đương khi dịch các câu vô nhân xưng chỉ thời gian sau đây:

(10) Impossible de se recueillir, et pourtant **il eut été grand temps de dormir**; car elle se levait le lendemain, à six heures, pour faire travailler José, son cadet, toujours et en tout le dernier de sa classe, comme Jean-Louis en était le premier... (Mauriac, tr. 32).

=> Không thể nào tĩnh tâm được, mà đến giờ ngủ rồi ; sáng mai chị phải dậy sớm lúc sáu giờ để bảo José, thằng con thứ học, nó luôn luôn đứng cuối lớp, trong khi Jean-Louis luôn luôn nhất... (Dương Linh, tr. 33).

(11) Je tombe de sommeil. Mon Dieu! **Il n'est que** neuf heures... (Mauriac, tr. 182).

=> Em buồn ngủ quá. Trời! **Mới có** chín giờ... (Dương Linh, tr. 183).

Các quán ngữ “*il est grand temps*” và “*il est (...) heures*” trong hai ví dụ (10) và (11) mang ý nghĩa của một từ tương đương lần lượt là “đến giờ” hoặc “*khẩn cấp*” trong câu (10) và “*là... giờ*” trong câu (11) trong tiếng Việt.

4.2. Dịch chuyển đổi

Theo Vinay & Darbelnet (1958), dịch chuyển đổi là cách mà người dịch thay thế một phạm trù ngữ pháp trong ngôn ngữ nguồn bằng một phạm trù ngữ pháp khác trong ngôn ngữ đích mà không làm thay đổi nghĩa của thông tin.

Có hai loại dịch chuyển đổi, đó là dịch chuyển đổi bắt buộc và dịch chuyển đổi tự do. Chẳng hạn như câu “*ngay khi anh ấy thức dậy*” có thể dịch sang tiếng Pháp thành “*dès son lever*” hoặc “*dès qu’il se lève*”. Đây là một ví dụ về dịch chuyển đổi tự do, bởi vì người dịch có thể chọn chuyển đổi về cấu trúc: mệnh đề “*ngay khi anh ấy thức dậy*” được chuyển thành giới ngữ “*dès son lever*” trong tiếng Pháp; hoặc mô phỏng lại cấu trúc ngữ pháp của mệnh đề đó bằng mệnh đề tương ứng trong tiếng Pháp “*dès qu’il se lève*”. Ngược lại, giới ngữ “*dès son lever*” chỉ có thể dịch thành “*ngay khi anh ấy thức dậy*” trong tiếng Việt, chứ không thể dịch là “*ngay sau sự thức dậy của anh ấy*” (*dès son lever*) bởi vì người Việt Nam không có thói quen nói như vậy.

Trong ví dụ dưới đây, chúng ta sẽ thấy dịch giả đã chọn cách dịch chuyển đổi tự do mệnh đề có chứa cấu trúc vô nhân xưng trong tiếng Pháp thành giới ngữ trong tiếng Việt:

(12) Eh, regardez les filles, **il fait un temps magnifique**. Habillez-vous, on va aller aux champignons. **Avec ce qu’il a plu hier**, on va en trouver plein. (Gavalda, tr. 60).

=> Ê các cô bé, hãy nhìn kia, **trời** đẹp tuyệt vời. Mặc quần áo đi, chúng ta sẽ đi hái nấm. **Sau cơn mưa ngày hôm qua**, chúng ta sẽ tìm được nhiều lắm đấy. (Ánh Hồng, tr. 66).

Trong ví dụ (12) có hai câu chứa các mệnh đề vô nhân xưng diễn tả các hiện tượng thời tiết. Mệnh đề thứ nhất “*il fait un temps magnifique*” (trời đẹp tuyệt vời) được dịch bằng thủ pháp tương đương. Trong khi đó mệnh đề “*avec ce qu’il a plu hier*” (Tạm dịch: Với những gì trời đã mưa ngày hôm qua) lại được dịch chuyển đổi thành giới ngữ “*sau cơn mưa ngày hôm qua*” (après la pluie d’hier) trong tiếng Việt.

5. KẾT LUẬN

Như vậy, chúng ta có thể thấy, khi diễn đạt lại các câu vô nhân xưng miêu tả các hiện tượng thời tiết và thời gian từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, các dịch giả chủ yếu sử dụng phương pháp dịch tương đương và dịch chuyển đổi do trong tiếng Việt không có cấu trúc vô nhân xưng chứa chủ ngữ hình thức trống nghĩa như trong tiếng Pháp.

Đối với các trường hợp dịch tương đương sẽ có hai xu hướng chính. Thứ nhất, người dịch sẽ sử dụng danh từ chung “*trời*” thay thế cho đại từ vô nhân xưng “*il*” trong tiếng Pháp để chỉ tác nhân gây ra các hiện tượng tự nhiên như “*trời mưa*”, “*trời tối*”... Bởi vì theo quan niệm của người Việt từ ngàn xưa “*Ông trời*” là người quyết định mọi sự việc trên trái đất. Thứ hai, kiểu câu này trong tiếng Pháp sẽ được diễn đạt lại bằng các câu không có phần đề trên cấu trúc bề mặt trong tiếng Việt như “*có mưa*”, “*đến giờ rồi*”,... Xét về mặt cấu trúc, câu vô nhân xưng và câu không đề hoàn toàn khác nhau khi câu vô nhân xưng có chứa chủ ngữ ngữ pháp “*il*” nhưng trống nghĩa và câu không đề

lại không có phần đề và không có chủ ngữ thể hiện. Tuy nhiên, cả hai loại câu này lại nhấn mạnh vào nội dung thông tin được đặt ở phần thuyết (chính là phần vị ngữ) và đều phải quy chiếu đến ngữ cảnh ngôn ngữ để xác định được chính xác phần đề trong câu. Đây được xem là điểm tương đồng giữa câu vô nhân xưng với câu không đề trong tiếng Việt.

Bên cạnh cách dịch tương đương, dịch chuyển đổi cũng được thực hiện khi trong ngôn ngữ tiếng Việt có những quy tắc ngữ pháp và phong cách học đặc thù dẫn đến việc mô phỏng các khuôn mẫu cú pháp trong tiếng Pháp sẽ gây nên sự dị biệt về văn phong trong tiếng Việt.

Trên đây là những vấn đề chúng tôi đã làm sáng tỏ được thông qua phương pháp phân tích đối chiếu. Chúng tôi hy vọng rằng, nghiên cứu này sẽ là một công cụ hữu ích cho tất cả những ai đang học tiếng Pháp cũng như những ai đang quan tâm đến các vấn đề ngôn ngữ và dịch thuật./.

Chú thích:

- (1) Các nhà ngôn ngữ học như Diệp Quang Ban (2005), Nguyễn Hồng Côn (2008), Do-Hurinville, D. T., & Dao, H. L... đều cho rằng, việc phân tích cấu trúc câu tiếng Việt vừa theo mô hình “chủ-vị” vừa theo mô hình “đề-thuyết” sẽ giúp hiểu rõ tất cả các loại câu trong tiếng Việt trên quan điểm hình thái cú pháp, cũng như ngữ dụng học.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

- Gavalda, A. (2008). *Bố đã từng yêu*. Hà Nội: Nxb Nhã Nam
- Cao Xuân Hạo (2004). *Tiếng Việt, Sơ khảo ngữ pháp chức năng*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Hoàng Phê (2014). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Thị Thu Trang (2018). Về cách phân loại câu vô nhân xưng. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, 55, 14-24.

Song ngữ

- Mauriac, F. (1999). *Le mystère Frontenac*. Hà Nội: Nxb Thế giới.

Tiếng Pháp

- Gavalda, A. (2002). *Je l'aimais*. Le Dilettante.
- Maingueneau, D. (1999). *Syntaxe du français*. Paris: Hachette.
- Nguyen Huy Lai (1981). *La tradition religieuse, spirituel et social au Vietnam: sa confrontation avec le christianisme*. Paris: Beauchesne.
- Rey-Debove, J., & Rey, A. (1996). *Le Nouveau Petit Robert*. Paris: Dictionnaires Le Robert.
- Tomassone, R. (2002). *Pour enseigner la grammaire*. Delagrave.

TRANSLATION METHODS OF IMPERSONAL SENTENCES DESCRIBING A NATURAL PHENOMENON FROM FRENCH INTO VIETNAMESE

NGUYEN THI THU TRANG

Abstract: The impersonal sentence is widely used in French, but this form of sentence does not exist in Vietnamese. Therefore, a precise understanding of how it is re-expressed in Vietnamese will help improve the quality of teaching and learning French for Vietnamese. In this article, we will present ways to translate impersonal sentences describing natural phenomenon from French to Vietnamese, as well as similarities and differences in the two languages when talking about a natural phenomenon.

Keywords: *impersonal sentence, methods of translation, similarities and differences, French, Vietnamese*

Received: 20/01/2020; Revised: 25/2/2020; Accepted: 28/02/2020